TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2022/KDTM-ST
Ngày: 29-6-2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Tuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hiếu

2. Bà Nghiêm Thị Xuân Huê

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Kim Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân*:** Bà Tăng Tố Thu - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 1.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022 tại Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2021/TLST-KDTM ngày 19 tháng 4 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1470/2022/QĐXXST-KDTM ngày 13 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 2130/2022/QĐST-KDTM ngày 10 tháng 5 năm 2022; Thông báo thay đổi thời gian tiếp tục phiên tòa số: 2910/TB-TA ngày 09 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần X;

Địa chỉ: Số 2C đường P, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Mai Quốc T, sinh năm: 1969 hoặc ông Phạm Đức V, sinh năm: 1979;

Địa chỉ: Số 77 đường A, phường An Lạc A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh – Giấy ủy quyền số: 468/GUQ-SGB ngày 25 tháng 10 năm 2018). (ông T có mặt)

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần L;

Địa chỉ: Số 37 đường N, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Thiên TH, sinh năm: 1965;

Địa chỉ: Số 72C/18 đường Đ, phường Đ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh – Giấy ủy quyền số: 25461, quyển số: 09 ngày 14 tháng 9 năm 2019). (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Dương Thị Ngọc D, sinh năm: 1978;

Địa chỉ: Số 12-20 đường L, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 16 tháng 3 năm 2015 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn (Ngân hàng Thương mại Cổ phần X) trình bày:*

Ngày 05 tháng 12 năm 2012, Ngân hàng Thương mại Cổ phần X và Công ty Cổ phần L (bị đơn) ký hợp đồng tín dụng số: 0185/2012/HĐTDTL-DN để bị đơn vay số tiền 7.000.000.000 đồng, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 12 tháng (từ ngày 05 tháng 12 năm 2012 đến ngày 05 tháng 12 năm 2013), lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 16%/năm, lãi suất cho vay có thể được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần theo mức lãi suất cho vay ngắn hạn đang có hiệu lực tại thời điểm Ngân hàng cho vay, phạt chậm trả nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tính trên khoản nợ bị quá hạn.

Để đảm bảo khoản vay nguyên đơn, bị đơn và bà Dương Thị Ngọc D ký hợp đồng thế chấp tài sản số: 0047/HĐTC-2012 ngày 05 tháng 12 năm 2012 được Phòng Công chứng Số 1, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận số công chứng: 033466, quyển số: 12 ngày 05 tháng 12 năm 2012, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất Quận 1 ngày 05 tháng 12 năm 2012 các quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, cụ thể:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 93/4 đường H, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số: 1196/2008/UB.GCN do Ủy ban nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Dương Thị Ngọc D ngày 07 tháng 3 năm 2008);

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 93/6 đường H, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số: 0500/2008/UB.GCN do Ủy ban nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Dương Thị Ngọc D ngày 30 tháng 01 năm 2008);

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 93/8 đường H, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BĐ 311498, số vào sổ: CH 03399 do Ủy ban nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Dương Thị Ngọc D ngày 31 tháng 12 năm 2010).

Đến ngày 26 tháng 11 năm 2013, các bên ký hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ

sung số: 0185A/TDBS-2013 với nội dung bị đơn sẽ trả toàn bộ nợ gốc và lãi của hợp đồng tín dụng số: 0185/2012/HĐTDTL-DN ngày 05 tháng 12 năm 2012 chậm nhất vào ngày 05 tháng 12 năm 2014. Theo hợp đồng tín dụng đã ký, nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn vay số tiền 7.000.000.000 đồng theo giấy đề nghị giải ngân và giấy nhận nợ số: 0185/2012/GNNTL-DN ngày 05 tháng 12 năm 2012 của bị đơn. Quá trình thực hiện hợp đồng đến ngày 30 tháng 12 năm 2019 bị đơn đã trả cho nguyên đơn được 200.000.000 đồng tiền nợ gốc, dù nguyên đơn đã nhiều lần có văn bản thông báo, nhắc nhở nhưng bị đơn không trả. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ đến hạn, tính đến ngày 24 tháng 12 năm 2021 bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 17.068.547.153 đồng (gồm: Tiền gốc 6.800.000.000 đồng; lãi trong hạn 7.224.254.429 đồng; lãi quá hạn 2.981.200.001 đồng; lãi phạt chậm trả lãi 63.092.723 đồng).

Để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả toàn bộ số tiền nêu trên và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp bị đơn không thanh toán thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là các quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 93/4, số 93/6 và số 93/8 đường H, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh để thu hồi nợ.

* Quá trình giải quyết vụ án, sau khi nộp giấy ủy quyền ngày 14 tháng 9 năm 2019; đơn xin tạm hoãn phiên tòa, đơn xin tiến hành hòa giải để bị đơn được hòa giải với nguyên đơn giải quyết vụ án ngày 18 tháng 9 năm 2019 và đơn xin tạm hoãn phiên tòa ngày 13 tháng 11 năm 2019 vì lý do sức khỏe thì ông Nguyễn Thiên Thiện là người đại diện hợp pháp của bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập; thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về việc giao nộp tài liệu, chứng cứ; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa; quyết định hoãn phiên tòa, thông báo thay đổi thời gian tiếp tục phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

* Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ tính đến ngày 29 tháng 6 năm 2022 tổng cộng là 17.704.347.149 đồng (gồm: Tiền gốc 6.800.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn 7.648.121.094 đồng; tiền lãi quá hạn 3.193.133.334 đồng; tiền lãi phạt chậm trả 63.092.721 đồng). Trường hợp bị đơn không thanh toán được nợ thì nguyên đơn yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là các quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 0047/HĐTC-2012 ngày 05 tháng 12 năm 2012 để thu hồi nợ.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án dù đã được triệu tập hợp lệ.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả tiền nợ gốc của hợp đồng tín dụng số: 0185/2012/HĐTDTL-DN ngày 05 tháng 12 năm 2012; hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số: 0185A/TDBS-2013 ngày 26 tháng 11 năm 2013 tính đến ngày 29 tháng 6 năm 2022 là 6.800.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 7.648.121.094 đồng; tiền lãi quá hạn 3.193.133.334 đồng, lãi suất được điều chỉnh theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi bị đơn thanh toán hết các khoản nợ.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả tiền lãi phạt chậm trả lãi của hợp đồng tín dụng số: 0185/2012/HĐTDTL-DN ngày 05 tháng 12 năm 2012; hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số: 0185A/TDBS-2013 ngày 26 tháng 11 năm 2013 là 63.092.721 đồng do không có cơ sở, do nguyên đơn phạt lãi chậm trả phần nợ lãi vốn vay là lãi chồng lãi, không phù hợp quy định của pháp luật.

Trường hợp bị đơn không trả được nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ. Sau khi bị đơn trả đủ số tiền nợ thì nguyên đơn phải hoàn trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà D bản chính các giấy tờ đang giữ được liệt kê cụ thể trong hợp đồng thế chấp tài sản số: 0047/HĐTC-2012 ngày 05 tháng 12 năm 2012.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Xét, đơn khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ xác định đây là vụ án dân sự về kinh doanh thương mại tranh chấp hợp đồng tín dụng, phát sinh trong hoạt động kinh doanh giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Xét, bị đơn có địa chỉ trụ sở chính tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh nên

căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Xét, bị đơn Công ty Cổ phần L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị Ngọc D vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật tố tụng.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Xét, yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn trả số tiền gốc là 6.800.000.000 đồng; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Xét, các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời khai của nguyên đơn, có đủ cơ sở xác định bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 7.000.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số: 0185/2012/HĐTDTL-DN ngày 05 tháng 12 năm 2012; hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số: 0185A/TDBS-2013 ngày 26 tháng 11 năm 2013; giấy nhận nợ số: 0185/2012/GNNTL-DN ngày 05 tháng 12 năm 2012. Việc thỏa thuận cho vay giữa nguyên đơn và bị đơn theo hợp đồng tín dụng nêu trên phù hợp với quy định tại điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng nên có hiệu lực pháp luật.

Xét, theo tiểu mục 9.2.3, 9.2.6 mục 9.2 Điều 9 hợp đồng tín dụng số: 0185/2012/HĐTDTL-DN ngày 05 tháng 12 năm 2012, bị đơn có nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi đúng hạn và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật khi không thực hiện đúng hạn theo hợp đồng tín dụng đã ký nhưng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ đến hạn. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi bị đơn trả số tiền nợ gốc 6.800.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Xét, yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn trả tiền lãi tính đến ngày 29 tháng 6 năm 2022 là 10.904.347.149 đồng (bao gồm: tiền lãi trong hạn 7.648.121.094 đồng; tiền lãi quá hạn 3.193.133.334 đồng; tiền lãi phạt chậm trả 63.092.721 đồng) cho đến khi bị đơn trả hết nợ; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.2.1] Xét, tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn theo mục 3.1, tiểu mục 3.2.1 Điều 3 hợp đồng tín dụng số: 0185/2012/HĐTDTL-DN ngày 05 tháng 12 năm 2012, lãi suất do các bên thỏa thuận 16%/năm, lãi suất cho vay có thể được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần theo mức lãi suất cho vay ngắn hạn đang có hiệu lực tại thời điểm Ngân hàng X công bố; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn trên khoản nợ bị quá hạn.

[2.2.2] Xét, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ đến hạn nên có nghĩa vụ trả tiền lãi theo thỏa thuận. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn là phù hợp quy định tại Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng nên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả tiền lãi trong hạn là 7.648.121.094 đồng; tiền lãi quá hạn 3.193.133.334 đồng tạm tính đến thời điểm xét xử.

[2.2.3] Xét tiền lãi phạt chậm trả lãi nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi phạt chậm trả lãi tính đến thời điểm xét xử là 63.092.721 đồng. Theo tiểu mục 3.2.2 Điều 3 hợp đồng tín dụng số: 0185/2012/HĐTDTL-DN ngày 05 tháng 12 năm 2012, lãi phạt chậm trả lãi được tính: "Chậm trả từ 1 ngày đến 30 ngày: mức phạt 2% tính trên số lãi vốn vay chậm trả; Chậm trên 30 ngày: mức phạt 5% tính trên số lãi vốn vay chậm trả". Tuy nhiên, theo khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất phạt vi phạm có quy định:

"1. Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng xác lập trước ngày 01 tháng 01 năm 2017 được xác định như sau:

a) Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả được xác định theo lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất áp dụng cho hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng, thời điểm tính lãi suất tương ứng với thời hạn vay chưa trả.

b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng phải phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất áp dụng cho hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng".

Do đó, đối chiếu quy định trên, việc nguyên đơn phạt lãi chậm trả phần nợ lãi vốn vay là lãi chồng lãi, không phù hợp với quy định của pháp luật nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả tiền lãi phạt chậm trả lãi là 63.092.721 đồng.

[2.3] Xét, nguyên đơn yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn không trả được nợ; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.3.1] Xét, để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ngày 05 tháng 12 năm 2012 nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dư đã ký hợp đồng thế chấp tài sản số: 0047/HĐTC-2012 để thế chấp cho nguyên đơn các quyền sử dụng đất, cụ thể: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 93/4 đường H, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số: 1196/2008/UB.GCN do Ủy ban nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Dương Thị Ngọc D ngày 07 tháng 3 năm 2008); Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 93/6 đường H, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà

ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số: 0500/2008/UB.GCN do Ủy ban nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Dương Thị Ngọc D ngày 30 tháng 01 năm 2008); Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 93/8 đường H, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BĐ 311498, số vào sổ: CH 03399 do Ủy ban nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Dương Thị Ngọc D ngày 31 tháng 12 năm 2010).

[2.3.2] Xét, hợp đồng thế chấp được chứng nhận tại Phòng Công chứng Số 1, Thành phố Hồ Chí Minh, số công chứng: 033466, quyển số: 12 ngày 05 tháng 12 năm 2012, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất Quận 1 ngày 05 tháng 12 năm 2012 là phù hợp quy định của pháp luật. Do đó, yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp của nguyên đơn trong trường hợp bị đơn không trả được nợ là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng nên có cơ sở chấp nhận. Trường hợp bị đơn không trả được nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ. Sau khi bị đơn trả đủ số tiền nợ thì nguyên đơn phải hoàn trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bản chính các giấy tờ đang giữ được liệt kê cụ thể trong hợp đồng thế chấp tài sản số: 0047/HĐTC-2012 ngày 05 tháng 12 năm 2012.

[2.4] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 và khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp kinh doanh thương mại do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận là 125.641.254 đồng; nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp kinh doanh thương mại do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận là 3.154.636 đồng.

[4] Về kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 91, khoản 1 Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017); khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 và khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016; Khoản 1 Điều

8, khoản 2 Điều 14 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất phạt vi phạm; Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014),

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X buộc Công ty Cổ phần L trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X số tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số: 0185/2012/HĐTDTL-DN ngày 05 tháng 12 năm 2012; hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số: 0185A/TDBS-2013 ngày 26 tháng 11 năm 2013 tính đến ngày 29 tháng 6 năm 2022 là 17.641.254.428đ (mười bảy tỷ, sáu trăm bốn mươi mốt triệu, hai trăm năm mươi bốn nghìn, bốn trăm hai mươi tám đồng), [bao gồm: tiền gốc 6.800.000.000đ (sáu tỷ, tám trăm triệu đồng), tiền lãi trong hạn 7.648.121.094đ (bảy tỷ, sáu trăm bốn mươi tám triệu, một trăm hai mươi mốt nghìn, không trăm chín mươi bốn đồng); tiền lãi quá hạn 3.193.133.334đ (ba tỷ, một trăm chín mươi ba triệu, một trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi bốn đồng)].

1.1. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29 tháng 6 năm 2022) khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.2. Sau khi Công ty Cổ phần L trả xong số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng số: 0185/2012/HĐTDTL-DN ngày 05 tháng 12 năm 2012; hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số: 0185A/TDBS-2013 ngày 26 tháng 11 năm 2013; Ngân hàng Thương mại Cổ phần X có trách nhiệm hoàn trả cho bà Dương Thị Ngọc D bản chính giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, hồ sơ gốc số: 1196/2008/UB.GCN do Ủy ban nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Dương Thị Ngọc D ngày 07 tháng 3 năm 2008 và thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà đất số: 1455 ngày 18 tháng 02 năm 2008 do Chi cụ Thuế Quận 1 thông báo; giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, hồ sơ gốc số: 0500/2008/UB.GCN do Ủy ban nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Dương Thị Ngọc D ngày 30 tháng 01 năm 2008 và thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà đất số: 180 ngày 07 tháng 01 năm 2008 do Chi cụ Thuế Quận 1 thông báo; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BĐ 311498, số vào sổ cấp GCN: CH 03399 do Ủy ban nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Dương Thị Ngọc D ngày 31 tháng 12 năm 2010 và thông báo

nộp lệ phí trước bạ nhà, đất số: 2356 ngày 20 tháng 7 năm 2010 do Chi cụ Thuế Quận 1 thông báo.

1.3. Đến hạn trả nợ mà Công ty Cổ phần L không trả được nợ, Ngân hàng Thương mại Cổ phần X được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 93/4 đường H, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, gồm: Thửa đất số: 86, tờ bản đồ số: 42, diện tích 11,21m^2 theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số: 1196/2008/UB.GCN do Ủy ban nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Dương Thị Ngọc D ngày 07 tháng 3 năm 2008; quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 93/6 đường H, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, gồm: Thửa đất số: 87, tờ bản đồ số: 42, diện tích 10,92m^2 theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số: 0500/2008/UB.GCN do Ủy ban nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Dương Thị Ngọc D ngày 30 tháng 01 năm 2008; quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại số 93/8 đường H, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, gồm: Thửa đất số: 68, tờ bản đồ số: 42, diện tích 11,5m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BĐ 311498, số vào sổ: CH 03399 do Ủy ban nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Dương Thị Ngọc D ngày 31 tháng 12 năm 2010; theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 0047/HĐTC-2012 ngày 05 tháng 12 năm 2012 được Phòng Công chứng Số 1, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận số công chứng: 033466, quyển số: 12 ngày 05 tháng 12 năm 2012, đăng ký thế chấp ngày 05 tháng 12 năm 2012 tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Ủy ban nhân dân Quận 1 theo quy định pháp luật để thu hồi nợ.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X buộc Công ty Cổ phần L trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X tiền lãi phạt chậm trả lãi theo hợp đồng tín dụng số: 0185/2012/HĐTDTL-DN ngày 05 tháng 12 năm 2012; hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số: 0185A/TDBS-2013 ngày 26 tháng 11 năm 2013 tính đến ngày 29 tháng 6 năm 2022 là 63.092.721đ (sáu mươi ba triệu, không trăm chín mươi hai nghìn, bảy trăm hai mươi mốt đồng).

3. Về án phí:

Công ty Cổ phần L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp kinh doanh thương mại là 125.641.254đ (một trăm hai mươi lăm triệu, sáu trăm bốn mươi mốt nghìn, hai trăm năm mươi bốn đồng).

Ngân hàng Thương mại Cổ phần X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp kinh doanh thương mại là 3.154.636đ (ba triệu, một trăm năm mươi bốn nghìn, sáu trăm ba mươi sáu đồng). Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 58.345.422 (năm mươi tám triệu, ba trăm bốn mươi lăm nghìn, bốn trăm hai mươi hai đồng) theo biên lai thu

tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AB/2012/06683 ngày 07 tháng 5 năm 2015 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại Cổ phần X có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty Cổ phần L, bà Dương Thị Ngọc D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND Tp. HCM;
- VKSND Tp. HCM;
- VKSND Q1;
- Chi cục THADS Q1;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Ngọc Tuân